

DU LỊCH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP QUỐC TẾ: TIỀM NĂNG - CƠ HỘI, THÁCH THỨC - GIẢI PHÁP

*Phan Huy Xu**

I. VAI TRÒ CỦA NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM VÀ NHỮNG THÀNH TỰU BƯỚC ĐẦU

Vai trò của ngành du lịch Việt Nam rất quan trọng đối với đất nước ta hiện tại cũng như tương lai, mặc dầu ngành kinh tế này mới được xuất hiện ở nước ta trong vài thập kỷ gần đây.

Thật vậy, ngành du lịch làm tăng tổng sản phẩm quốc gia (GNP và là nguồn cung cấp ngoại tệ cho đất nước). Nó tạo ra nhiều việc làm cho người dân (hiện nay cứ 9 người lao động thì có một người lao động trong ngành du lịch), góp phần tăng thu nhập cho các tầng lớp nhân dân. Bên cạnh đó, du lịch còn góp phần phát triển cơ sở hạ tầng (ví dụ: sân bay, bến cảng, đường sá giao thông, các khu du lịch vui chơi giải trí...) và thúc đẩy các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ phát triển trong cả nước và từng miền vùng, địa phương. Ngành du lịch giúp chuyển đổi cơ cấu kinh tế nước ta, tăng tỷ lệ kinh tế dịch vụ, đa dạng hóa các hoạt động kinh tế. Đồng thời nó góp phần tích cực trong việc bảo tồn di sản và truyền thống văn hoá dân tộc, mở rộng kiến thức văn hoá giáo dục và trình độ dân trí, thúc đẩy văn nghệ sĩ sáng tạo nhiều sản phẩm du lịch độc đáo. Ngoài ra, du lịch còn giúp cải thiện môi trường thiên nhiên và môi trường nhân văn, giới thiệu đất nước, con người và bản sắc văn hoá Việt Nam với nước ngoài và góp phần củng cố hoà bình, tăng cường hữu nghị giữa dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới.

Vì vậy, Đại hội Đảng lần thứ IX đã quyết định đưa ngành du lịch Việt Nam thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nhà nước ta đã xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp quan trọng mang nội dung văn hoá

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Khoa Du lịch, Đại học dân lập Văn Lang, Việt Nam.

sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao; phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng của nhân dân và khách du lịch quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, tạo việc làm và phát triển kinh tế xã hội của đất nước (Pháp lệnh du lịch). Coi sự phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước.

Trong những năm gần đây, ngành du lịch Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng doanh thu du lịch tăng trên 9,7% năm. Từ năm 1991 đến năm 2003, khách du lịch nước ngoài từ 300.000 lên đến 2.428.735 (tăng hơn 8 lần), khách du lịch nội địa từ 1991 đến 2001 tăng từ 1.500.000 lên 11.700.000 lượt (tăng 7,5 lần). Hiện nay ngành du lịch Việt Nam đứng thứ 5 trong khu vực Đông Nam Á, dự báo đến năm 2010 sẽ đứng thứ vào hạng nhất trong khu vực. Đó là những thành tựu bước đầu đáng tự hào của ngành du lịch Việt Nam.

Những tháng đầu năm 2003 do tác động của dịch bệnh SARS và đầu năm 2004 bị ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm, nhưng hiện nay chúng ta đã khống chế được các dịch bệnh này và bước đầu phục hồi sự tăng trưởng của ngành du lịch.

II. TIỀM NĂNG CƠ BẢN CỦA NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM

Nước ta có những nguồn tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn về du lịch rất phong phú, đa dạng và to lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhiều loại hình du lịch.

Nước ta có 107 khu rừng đặc dụng trong đó có 25 vườn quốc gia, 75 khu bảo tồn thiên nhiên, 34 khu rừng văn hoá – lịch sử – môi trường. Các khu sinh thái nổi tiếng như vườn quốc gia Ba Bể (đang đề nghị UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới), Cúc Phương, Cát Bà, Ba Vì, Bạch Mã, Nam Cát Tiên, Yok Don, Cần Giờ, vv... Chỉ tính riêng tỉnh Bình Thuận đã có tới 5 khu du lịch sinh thái biển và 6 khu du lịch sinh thái trên cạn. Tiềm năng này có thể giúp nước ta phát triển loại hình du lịch sinh thái.

Nước ta có hàng ngàn con sông, kênh và 3260 km bờ biển. Nước ta lại có quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và 2570 đảo lớn nhỏ gần và xa bờ. Có nhiều bãi biển hấp dẫn, biển trong xanh và ấm, trong số 125 bãi biển lớn nhỏ có 20 bãi biển đạt tiêu chuẩn quốc tế. Vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Tiềm năng này có khả năng phát triển loại hình du lịch sông – biển – đảo và du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm.

Nước ta có nhiều núi cao, khí hậu mát mẻ. Đặc biệt địa hình karst có diện tích khoảng 50.000 km² đã tạo nên 200 hang động kỳ thú, đặc biệt là động Phong Nha – Kẻ Bàng vừa được UNESCO công nhận là di sản thiên

nhiên thế giới. Vùng núi của nước ta là nơi để có thể phát triển loại hình du lịch núi và hang động.

Nước ta có lịch sử lâu đời và có nhiều nền văn hoá nổi tiếng như văn hoá Sơn Vi, văn hoá Hoà Bình, văn hoá Bắc Sơn, văn hoá Đông Sơn, văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Oc Eo đã để lại cho chúng ta nhiều di tích lịch sử – văn hoá với mật độ khá dày đặc trên nhiều vùng lãnh thổ. Trong số 40.000 di tích lịch sử văn hoá, có 2.500 di tích được Nhà nước ta xếp hạng. Cố đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Đô thị cổ Hội An đã được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới. Bên cạnh nguồn văn hoá vật thể phong phú, chúng ta còn có nguồn văn hoá phi vật thể với nhiều phong tục tập quán lễ hội, làng nghề và các loại hình nghệ thuật văn hoá dân gian của 54 dân tộc anh em. Đặc biệt, nước ta có những sự kiện lịch sử trọng đại của thế kỷ XX như chiến thắng Điện Biên Phủ, quảng trường Ba Đình, nhà sàn Bác Hồ, địa đạo Củ Chi,... Tất cả những di tích lịch sử đó là nguồn vô tận để khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan và tìm hiểu để nhằm phát triển loại hình du lịch văn hóa – lịch sử.

Nông thôn nước ta với những làng quê êm đềm dưới lũy tre xanh ở phía Bắc và cũng như những thôn xóm hiền hòa dưới rặng dừa xanh ở phía Nam, những con đê, những kênh rạch, những cánh đồng lúa, những đồi chè,... cảnh quan đặc trưng đó sẽ làm cho khách du lịch thích thú với loại hình du lịch nông thôn. Đô thị của Việt Nam cũng có những nét độc đáo: những khu phố cổ, những khu phố hiện đại, những khu phố người Hoa (China Town), những kiến trúc châu Âu pha trộn với kiến trúc châu Á, những nhà thờ Thiên Chúa giáo và những chùa Phật giáo,... cũng sẽ làm hấp dẫn du khách với loại hình du lịch đô thị và du lịch hành hương. Đặc biệt là ở những thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế,... có nhiều khách sạn lớn và đủ tiện nghi để tổ chức hội nghị hội thảo, đó là loại hình du lịch hội nghị, hội thảo (MICE).

Tóm lại, nước ta có nhiều tiềm năng tự nhiên và nhân văn để phát triển nhiều loại hình du lịch, đó là điều mà nhiều nước trên thế giới không dễ có được. Nước ta là nước ổn định và thân thiện, nhân dân ta có truyền thống mến khách, đặc biệt chúng ta lại có đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đúng đắn, cho nên du lịch Việt Nam sẽ có khả năng phát triển mạnh mẽ trong những năm sắp tới.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA DU LỊCH VIỆT NAM

Cơ hội lớn của nước ta là du lịch thế giới hiện nay đang phát triển rất nhanh và trở thành một trong những ngành kinh tế hàng đầu của thế giới. Hiện nay du lịch thế giới thu hút 220 triệu lao động (chiếm 10,6% lực lượng lao động thế giới). Theo dự báo, năm 2010 số lượng khách du lịch quốc tế có hơn 1 nghìn triệu lượt người, thu nhập từ du lịch ước tính

900 tỷ USD, ngành du lịch sẽ tạo thêm khoảng 150 triệu chỗ làm việc, chủ yếu tập trung ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Việt Nam là một quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, sự phát triển của du lịch Việt Nam không nằm ngoài xu thế phát triển chung về du lịch của khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, do lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế, xã hội, chính trị và tài nguyên cũng như sự hợp tác của Việt Nam với các nước trong khu vực về phát triển cơ sở hạ tầng về du lịch (dự án phát triển đường bộ, đường sắt xuyên Á, dự án phát triển du lịch tiểu vùng sông Mekong, dự án phát triển du lịch hành lang Đông – Tây...) sẽ làm cho du lịch Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới.

Nước ta có tiềm năng thiên nhiên và tiềm năng nhân văn về du lịch rất đa dạng, phong phú và độc đáo. Đặc biệt, sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với ngành du lịch rất đúng đắn với chính sách và đường lối đổi mới, mở cửa và hội nhập đã tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển. Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo sát sao đối với sự nghiệp phát triển du lịch, hệ thống pháp luật ngày càng đồng bộ và đầy đủ, Pháp lệnh du lịch đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động du lịch nước ta; Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch đã được thành lập để phối hợp hoạt động du lịch giữa các cấp, các ngành; Chương trình hành động quốc gia về du lịch đã và đang tiếp tục triển khai tạo tiền đề cho du lịch Việt Nam vững bước vào thế kỷ XXI.

Dự báo năm 2005 Việt Nam sẽ có khách du lịch quốc tế từ 3 đến 3,5 triệu, khách nội địa 15 đến 16 triệu; năm 2010 khách du lịch quốc tế 5,5 đến 6 triệu, khách nội địa 20 đến 25 triệu. Hiện nay đã có 10 nước đầu tư phát triển du lịch ở nước ta: Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, Đảo Virgin (thuộc Anh), Nhật Bản, Malaysia, Pháp, Thái Lan, Hà Lan với tổng số 230 dự án và sắp tới sẽ có nhiều công ty nước ngoài tiếp tục đầu tư vào du lịch Việt Nam.

Nhưng thách thức trong hội nhập quốc tế không phải là nhỏ. Đặc điểm của giai đoạn hội nhập quốc tế là tính cạnh tranh rất cao: cạnh tranh về môi trường du lịch, cạnh tranh về sản phẩm du lịch và cạnh tranh về giá cả. Khách du lịch nước ngoài và trong nước đều có yêu cầu rất cao về chất lượng phục vụ nhưng giá cả phải rẻ. Đó là bài toán hóc búa đang được ngành du lịch Việt Nam giải đáp trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Chúng ta cần nhận thức đúng đắn rằng hội nhập quốc tế là xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia, đang bị một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển và tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối; chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có cạnh tranh.

Tiềm năng tự nhiên và tiềm năng nhân văn của du lịch nước ta rất đa dạng, phong phú và to lớn nhưng chỉ có tiềm năng thì chưa thể biến thành

hiện thực. Muốn biến những tiềm năng đó trở thành kinh tế du lịch có chất lượng và bền vững, chúng ta phải nỗ lực phấn đấu vượt bậc, phát huy cao độ nội lực và tranh thủ ngoại lực để thực hiện nhiều vấn đề. Đó là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, đào tạo con người, tổ chức và quản lý du lịch, bảo vệ môi trường,... Ngành du lịch của nước ta còn non trẻ, lại nằm trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập quốc tế, cho nên có nhiều thách thức cụ thể sau:

1. Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của du lịch nước ta còn yếu kém và thiếu đồng bộ. Từ điện, nước, khách sạn, nhà hàng đến sân bay, bến cảng, đường sá, phương tiện giao thông,... chưa đáp ứng tốt cho sự phát triển du lịch nước ta. Một số du khách nước ngoài đã than phiền quá tốn thời gian vào việc đi lại. Chẳng hạn, tour từ TP. Hồ Chí Minh đi tham quan địa đạo Củ Chi kéo dài 5 tiếng đồng hồ thì đã mất 4 tiếng vì kẹt xe, chỉ còn 1 tiếng tham quan. Ở miền Trung và Tây Nguyên có nhiều núi rừng đẹp nhiều bãi biển nên thơ, nhiều khu nghỉ mát nổi tiếng, văn hóa Tây Nguyên là nguồn đam mê của nhiều du khách. Miền Trung có 3 di sản văn hóa thế giới: Khu tháp cổ Mi Sơn, phố cổ Hội An, cố đô Huế và một di sản thiên nhiên thế giới đó là động Phong Nha-Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới. Nhưng vì đường sá giao thông ở miền này còn kém, do đó số lượng du khách đến đây còn ít.

Một vấn đề nữa là khách sạn, nhà hàng trong vài năm gần đây chúng ta đã cố gắng xây dựng thêm, năm 2001 có 72.000 phòng. Nhưng cuối năm 2002 và đầu năm 2003 tình trạng khách sạn thiếu và hết phòng đã xảy ra. Một số đoàn du lịch quốc tế cũng bị từ chối. Dự báo lượng khách du lịch năm 2004 sẽ còn tăng mạnh, vì vậy tình trạng thiếu phòng sẽ còn gay gắt hơn nữa.

2. Đào tạo cán bộ, nhân viên du lịch của nước ta còn thiếu và yếu. Các nhà nghiên cứu du lịch cho rằng con người trong ngành du lịch là “phần mềm”, còn xây dựng các khách sạn, nhà hàng là “phần cứng”. Hiện nay phần mềm còn quan trọng hơn cả “phần cứng”. Những năm qua chúng ta đã có hàng chục trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp đào tạo được khá nhiều cán bộ nhân viên du lịch nhưng số lượng vẫn còn ít và chất lượng còn yếu. Chương trình và nội dung đào tạo các khoa Du lịch của các trường Đại học và Cao đẳng còn nặng về lí thuyết nhẹ về thực hành, rèn luyện tay nghề ít, ngoại ngữ chuyên ngành còn kém. Chương trình và nội dung của các trường Trung học chuyên nghiệp thì nặng về thực hành quá nhẹ về lí thuyết. Giáo trình về du lịch còn thiếu. Nói chung việc đào tạo còn nhiều bất cập. Tinh thần, thái độ và tác phong của cán bộ, nhân viên du lịch còn có lúc có chỗ bị khách du lịch trong nước và quốc tế than phiền. Năm 2001, ngành du lịch nước ta đã có 150.000 lao động trực tiếp và 330.000 lao động gián tiếp nhưng cán bộ làm công tác quản lí khách sạn, lễ hành, hướng dẫn viên vừa yếu lại

vừa thiếu. Vì vậy phải chú trọng việc đào tạo cán bộ nhân viên du lịch có chất lượng kể cả về lí thuyết, tay nghề và tác phong, thái độ phục vụ nhằm xây dựng nền công nghệ du lịch tiên tiến.

3. Tài nguyên và môi trường du lịch của nước ta đang bị tác động xấu. Trong những năm gần đây thiên tai đã xảy ra nhiều vùng và nhịp độ ngày càng tăng, đã làm cho các di tích lịch sử văn hóa bị xuống cấp nghiêm trọng. Nạn cháy rừng và phá rừng, nạn bắn giết các động vật thiên nhiên đã làm cho các khu du lịch sinh thái bị suy giảm. Đặc biệt ngành du lịch ở các địa phương chưa quản lí và tổ chức tốt các khu du lịch và các bãi biển, cho nên tình trạng vứt rác rưởi bừa bãi, nhiều người ăn xin, đeo bám khách du lịch để bán hàng... đã làm ô nhiễm môi trường du lịch. Ở các thành phố và thị xã, thị trấn, tệ nạn ma tuý, mại dâm đã diễn ra ở các nhà hàng, khách sạn, tụ điểm karaoke. Hiện tượng một số du khách trang phục lai căng, thậm chí mặc quần đùi áo may ô vẫn đi lại tự do trên đường phố làm mất mỹ quan. Nhiều chùa chiền, đình làng đã bị mất cắp các cổ vật quý, việc tôn tạo các di tích lịch sử một cách vội vàng, làm hỏng kiến trúc cổ xưa... Rõ ràng tài nguyên và môi trường du lịch đã bị ảnh hưởng xấu nghiêm trọng.

4. Đầu tư vào du lịch còn ít, vốn phát triển cho du lịch còn thiếu, nước ta còn nghèo, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đời sống của nhân dân còn thấp, cho nên đã ảnh hưởng đến phát triển du lịch. Mặc dầu đã có một số quốc gia trên thế giới đã đầu tư cho ngành du lịch nước ta nhưng mới chỉ là bước đầu. Đây cũng là thách thức to lớn đối với chúng ta. Đặc biệt sản phẩm du lịch của ta còn đơn điệu, nghèo nàn, chưa hấp dẫn. Du khách đến nước ta ngày càng nhiều nhưng số ngày lưu lại Việt Nam còn quá ngắn và có nhiều người không quay trở lại. Vấn đề quảng bá du lịch Việt Nam ra nước ngoài chưa nhiều và chưa nêu được nét đặc trưng về cảnh trí thiên nhiên và lịch sử văn hoá nước ta.

5. Nhận thức về phát triển du lịch trong nhân dân ta còn thấp, nhiều cơ sở kinh doanh du lịch còn chưa nắm được khái niệm du lịch bền vững. Chưa có sự hợp tác chặt chẽ giữa các doanh nghiệp du lịch và giữa các ngành, các địa phương. Chính vì nhận thức còn thấp cho nên việc phát triển du lịch còn gặp nhiều khó khăn.

6. Trong giai đoạn hội nhập quốc tế, bên cạnh những thuận lợi ngành du lịch của nước ta cũng đang gặp nhiều khó khăn. Đó là sự cạnh tranh gay gắt của các quốc gia và các công ty du lịch thế giới. Đó là sự biến động về tài chính, năng lượng, các cuộc xung đột sắc tộc và các vụ khủng bố... Vấn đề quan trọng nữa là phải giữ gìn bản sắc dân tộc, không bị ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai trong sự phát triển du lịch. Vấn đề quản lí tổ chức du lịch phải có chất lượng cao, giá cả phải rẻ thì mới có thể cạnh tranh với các công ty du lịch quốc tế và các quốc gia có du lịch phát triển. Xu hướng du lịch trong thời kỳ hội nhập là du khách muốn thực sự thưởng

thức những gì mà một tua du lịch phải có: thường thức về thiên nhiên, văn hoá – lịch sử, tiện nghi,... họ muốn có dịch vụ tối hảo, chất lượng vệ sinh thật tốt và bảo vệ môi trường chặt chẽ.

Đó là những vấn đề bức xúc mà ngành du lịch Việt Nam cần ra sức giải quyết trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

IV. GIẢI PHÁP

Để giải quyết những khó khăn và thách thức to lớn vừa kể trên, ngành du lịch phải có những giải pháp đồng bộ và có trọng tâm trọng điểm. Xin nêu một số giải pháp chính sau đây:

1. Cần nâng cao nhận thức xã hội về du lịch cho mọi tầng lớp nhân dân. Cần nhận thức đúng đắn ngành du lịch mang tính liên ngành liên vùng, ngành kinh tế tổng hợp, ngành xuất khẩu tại chỗ và ngành kinh tế mũi nhọn. Từ đó mọi người, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế và tất cả các địa phương trong cả nước phải dốc sức chăm lo xây dựng và phát triển ngành du lịch.

2. Bên cạnh việc tập trung đầu tư xây dựng “phần cứng” của ngành du lịch như khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí... thì chúng ta phải chú ý đầu tư vào “phần mềm” của ngành du lịch, đó là đào tạo nguồn nhân lực cho ngành du lịch. Nguồn nhân lực là phần hồn của ngành du lịch, vì vậy phải đẩy mạnh việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nhân viên du lịch theo nhiều tầng trình độ. Đặc biệt phải chú trọng tri thức căn bản, hiện đại và chuyển thành kỹ năng, thành tay nghề. Tiếp tục đổi mới chương trình và nội dung phương pháp đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên du lịch, đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, vừa có tính hiện đại và có tính thực tiễn Việt Nam. Cần kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cần xây dựng chương trình sau đại học và trên đại học để đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ cho chuyên ngành du lịch. Đào tạo ông thầy có trình độ cao, có học hàm học vị thì việc đào tạo sinh viên, học viên du lịch mới có chất lượng. Cần phát triển khoa học công nghệ du lịch Việt Nam đạt trình độ khu vực và thế giới.

3. Phải hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư, chính sách tài chính, chính sách xuất nhập cảnh và hải quan để thúc đẩy du lịch phát triển. Triển khai tích cực Pháp lệnh du lịch và tiến tới xây dựng Luật du lịch để từng bước củng cố thể chế về du lịch, đảm bảo vai trò quản lý nhà nước về du lịch. Thực hiện chiến lược phát triển du lịch 2001-2010, đây là chiến lược quốc gia đồng bộ từ trung ương đến địa phương nhằm nâng tầm cao mới của sự phát triển du lịch. Thực hiện quy hoạch du lịch để khai thác mọi tiềm năng và lợi thế về du lịch của cả nước và từng vùng. Xây dựng 4 khu du lịch tổng hợp quốc gia và 17 khu du lịch chuyên đề quốc gia. Chỉnh trang và nâng cấp các tuyến, điểm du lịch quốc gia và quốc tế.

4. Cần bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch. Giáo dục mọi tầng lớp nhân dân bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử, các di sản thiên nhiên và giáo dục ý thức phát triển du lịch bền vững. Cần làm cho cộng đồng hiểu được du lịch bền vững không những chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch và cộng đồng địa phương mà còn chú ý đến nhu cầu của các thế hệ mai sau. Phát triển du lịch nhưng không phá hủy tài nguyên, tương lai của du lịch phải phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Cần đánh giá kỹ tác động của sự phát triển du lịch đối với môi trường để tổ chức và quản lý chặt chẽ du lịch.

5. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tuyên truyền, quảng bá du lịch trong và ngoài nước. Nghiên cứu thị hiếu tập quán thói quen tiêu dùng của du khách để phát triển sản phẩm du lịch. Sản phẩm du lịch của ta phải có chất lượng cao, giàu bản sắc dân tộc, có tính đặc trưng vùng, có sức cạnh tranh cao.

6. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, du lịch nước ta cần chủ động nâng cao hình ảnh và vị thế của nước ta trên thế giới. Đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác du lịch với các nước, các cá nhân và các tổ chức quốc tế để tăng nguồn khách, tăng vốn đầu tư và kinh nghiệm cho nước ta, đồng thời chú ý giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và truyền thống tốt đẹp của đạo đức người Việt Nam.

Tóm lại, ngành du lịch nước ta có vai trò ngày càng quan trọng và bước đầu đã đạt được những thành tựu to lớn. Nước ta có nhiều tiềm năng về tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn để phát triển du lịch. Nhưng ngành du lịch nước ta đang đứng trước những cơ hội và thách thức trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay. Ngành du lịch nước ta cần phải giải quyết nhiều vấn đề đồng bộ, khẩn trương và cấp bách thì mới đưa ngành du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, vững bước tiến vào hội nhập quốc tế và phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Tổng cục Du lịch, Dự án "Xây dựng năng lực cho phát triển du lịch ở Việt Nam", tháng 2-2003.
3. Sơn Hồng Đức, *Du lịch và Kinh doanh lữ hành*, Đại học Văn Lang - 2003.
4. Trần Văn Thông, *Tổng quan Du lịch*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2003.
5. Báo Nhân dân, Báo Du lịch, Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên các năm 2001, 2002, 2003.